

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		417.723.064.811	295.875.254.223
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	40.371.024.828	9.309.485.304
1. Tiền	111		40.371.024.828	9.309.485.304
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		74.050.000.000	33.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	74.050.000.000	33.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		107.256.837.502	157.788.708.134
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	42.909.720.199	68.195.324.210
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	62.458.335.185	38.817.276.590
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.11.1	1.888.782.118	50.869.084.164
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.4	-	(92.976.830)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	191.980.427.429	94.367.791.148
1. Hàng tồn kho	141		191.980.427.429	94.367.791.148
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.064.775.052	1.409.269.637
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.1	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.064.775.052	1.409.269.637
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		125.457.355.291	101.608.600.631
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.293.741.367	400.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.10	-	400.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.11.2	10.386.718.197	-
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(92.976.830)	-
II. Tài sản cố định	220		1.102.675.560	961.232.358
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.102.675.560	961.232.358
- Nguyên giá	222		2.019.283.092	1.598.843.637
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(916.607.532)	(637.611.279)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.6	114.044.352.000	100.219.172.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		82.629.352.000	31.624.172.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		18.000.000.000	59.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		13.415.000.000	6.625.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	-	2.470.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		16.586.364	28.196.273
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.2	16.586.364	28.196.273
4. Tài sản dài hạn khác	268	0	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		543.180.420.102	397.483.854.854

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2020	01/01/2020
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		359.372.234.381	222.603.525.036
I. Nợ ngắn hạn	310		359.372.234.381	222.603.525.036
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	254.961.004.984	47.401.551.429
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	74.749.489.512	3.469.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.1	1.259.196.454	366.185.052
4. Phải trả người lao động	314		49.644.137	38.897.862
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	3.241.188.561	3.233.344.782
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	411.956.757	10.159.660.197
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	24.699.753.976	157.934.885.714
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		183.808.185.721	174.880.329.818
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	183.808.185.721	174.880.329.818
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.645.604.925	10.645.604.925
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.162.580.796	14.234.724.893
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		14.234.724.893	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.927.855.903	14.234.724.893
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		543.180.420.102	397.483.854.854

NGUYỄN QUANG HUY
Người lập

NGUYỄN QUANG HUY
Phụ trách kế toán

MAI ANH TÁM
Chủ tịch HĐQT



Hà Nội, ngày 21 tháng 1 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 4 và lũy kế năm của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Quý IV/2020	Quý IV/2019	Lũy kế Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Lũy kế Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.20	347.887.686.902	172.522.108.336	584.606.750.731	400.740.048.524
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.20	347.887.686.902	172.522.108.336	584.606.750.731	400.740.048.524
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.21	338.726.910.477	168.130.412.803	565.851.106.088	392.229.485.591
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.160.776.425	4.391.695.533	18.755.644.643	8.510.562.933
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22	11.310.702	1.454.714.770	958.054.127	7.919.770.947
7. Chi phí tài chính	22	VI.23	640.755.405	1.658.079.067	5.899.812.623	6.213.675.938
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		558.904.480	1.644.038.980	2.558.055.480	5.848.099.909
8. Chi phí bán hàng	25	VI.25	2.086.127.300	194.572.056	2.592.200.671	1.500.178.600
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.24	947.327.729	408.874.634	2.489.915.274	1.917.143.568
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.497.876.693	3.584.884.546	8.731.770.202	6.799.335.774
11. Thu nhập khác	31	VI.26	7.051.615	-	254.921.905	528.507.885
12. Chi phí khác	32	VI.26	167.070.513	96.145.446	171.714.872	374.055.905
13. Lợi nhuận khác	40		(160.018.898)	(96.145.446)	83.207.033	154.451.980
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.337.857.795	3.488.739.100	8.814.977.235	6.953.787.754
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.27	1.067.571.559	398.947.820	1.762.995.447	838.890.593
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.270.286.236	3.089.791.280	7.051.981.788	6.114.897.161
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		285	206	470	408
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					-

NGUYỄN QUANG HUY
Người lập

NGUYỄN QUANG HUY
Phụ trách Kế toán

MAI ANH TÂM
Chủ tịch HĐQT



Hà Nội, ngày 21 tháng 1 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.814.977.235	6.953.787.754
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	278.996.253	315.895.742
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	300.835.011
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(958.054.127)	(8.013.049.026)
- Chi phí lãi vay	06	2.558.055.480	5.848.099.909
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	10.693.974.841	5.405.569.390
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(54.167.796.040)	(12.748.321.326)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	97.612.636.281	(27.840.751.148)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	7.768.709.345	43.934.232.068
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-	18.338.658
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.558.055.480)	(5.734.923.727)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.762.995.447)	(3.122.991.362)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	57.586.473.500	(88.847.447)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	654.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(45.337.026.356)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	48.190.253.205
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.825.180.000)	(66.120.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	23.745.790.759
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	4.151.190.706
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.825.180.000)	(34.715.246.231)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	374.054.880.450	380.674.489.494
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(392.754.634.426)	(352.389.537.766)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(3.325.190.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18.699.753.976)	24.959.761.728
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	31.061.539.524	(9.844.331.950)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.309.485.304	19.153.635.176
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	182.078
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	40.371.024.828	9.309.485.304

NGUYỄN QUANG HUY
Người lập

NGUYỄN QUANG HUY
Phụ trách Kế toán

MAI ANH TÁM
Chủ tịch HĐQT



CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 4 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 lần đầu ngày 29/12/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 06 ngày 07/03/2017.

Cơ cấu tổ chức:

Công ty có các công ty con và công ty liên kết, chi tiết như sau:

Chi tiết	Vốn điều lệ theo GCNĐKKD		Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2020		
	Vốn điều lệ theo GCNĐKKD	Tỷ lệ vốn theo ĐKKD (%)	Vốn góp thực tế tại Công ty LD, LK, công ty con	Giá trị vốn góp của Công ty	Tỷ lệ vốn góp thực tế (%)
<u>Công ty con</u>					
Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	30.000.000.000	98%	29.400.000.000	29.400.000.000	98%
Công ty cổ phần công nghệ CRC	70.000.000.000	98%	51.185.180.000	51.185.180.000	98%
Công ty CP Canadian Solar Việt Nam	5.000.000.000	93,1%	4.850.000.000	4.850.000.000	99%
Công ty CP CRC Power	10.000.000.000	93,1%	3.090.000.000	3.090.000.000	99%
Công ty CP Nhật Nguyên Xanh Solar	5.000.000.000	93,1%	4.850.000.000	4.850.000.000	99%
Công ty CP CRC Invest	10.000.000.000	93,1%	5.250.000.000	5.250.000.000	99%
Công ty CP liên doanh phát triển năng lượng CRC	30.000.000.000	55%			
<u>Công ty liên kết</u>					
Công ty TNHH Trường Sơn	40.000.000.000	45%	40.000.000.000	18.000.000.000	45%

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác và thu gom than non; Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón; Khai thác và thu gom than bùn; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc sắt thép; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn,

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 4 năm 2020

kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản để chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

Công ty có trụ sở tại 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tại thời điểm 31/12/2020, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là 7 người, trong đó có 3 người là cán bộ quản lý.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty: được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đồng tiền hạch toán: Công ty sử dụng đồng Việt Nam (VND) để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT – BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT - BTC và Thông tư số 206/2009/TT – BTC ngày 27/10/2009 hướng dẫn kế toán giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 4 năm 2020

- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: (Tiếp theo)

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các loại tỷ giá áp dụng khi ghi nhận các giao dịch gồm:

- + *Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi tăng: Chi phí sản xuất kinh doanh, Chi phí khác, Tài sản Vốn bằng tiền, Các khoản phải trả.

- + *Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi giảm: Khoản nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, cung cấp dịch vụ, khối lượng được nghiệm thu, Các khoản phải trả, Khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ, nghiệm thu khối lượng.

Trường hợp trong kỳ phát sinh nhiều khoản phải thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch với đối tượng đó.

- + *Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở bên Có các TK tiền, khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ.

Số dư cuối năm của các khoản mục có gốc ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam chi tiết như sau:

- + *Đối với các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay gốc ngoại tệ là USD được quy đổi theo tỷ giá mua vào và tỷ giá bán ra của Ngân hàng đơn vị mở tài khoản hoặc phát sinh khoản vay*
- + *Đối với các khoản công nợ phải thu được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 23.130 đồng/USD;*

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 4 năm 2020

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, các khoản đầu tư khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, các khoản ủy thác và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các tổn thất nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư khác:

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, theo đó giá gốc của khoản đầu tư được xác định bằng giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng được lập khi giá trị của các khoản đầu tư đang ghi nhận trên sổ kế toán cao hơn giá trị thị trường hoặc phát sinh sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi (-) các khoản dự phòng được ước tính cho các khoản phải thu khó đòi dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

Phương pháp xác định giá gốc của nguyên vật *Bình quân gia quyền*

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 4 năm 2020

liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa, thành phẩm

Phương pháp xác định giá gốc của mủ cao su *Đích danh*

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu của dự án xây dựng nhà máy gạch ngói, nhà máy năng lượng chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối kỳ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ trong thời gian 36 tháng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng hoạt động. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau khi TSCĐ đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

Tài sản	Khung khấu hao
Máy móc thiết bị	10 năm
Phương tiện vận tải	06 năm

Nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn. Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh trong quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 4 năm 2020

tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc niên độ trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch với số đã trích (nếu có). Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc niên độ là trích trước chi phí dịch vụ gia công mù cao su và chi phí lãi vay.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020 là số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ đi (-) thuế thu nhập doanh nghiệp.

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa (mù cao su, hạt điều, dầu điều ...) được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hoạt động xây dựng được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu, quyết toán và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm doanh thu từ lãi tiền gửi, từ khoản cổ tức được chia, lãi chênh lệch tỷ giá và doanh thu từ việc nhượng bán cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 4 năm 2020

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần được ghi nhận bằng chênh lệch giữa giá mua và giá bán cổ phần.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã xuất bán. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn, lỗ chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong kỳ.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng bao gồm các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí kiểm nghiệm, xếp dỡ, vận chuyển, bảo hiểm hàng hóa, thành phẩm.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong năm.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện thoại, phí ngân hàng...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách...).

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 4 năm 2020

I. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt	9.948.875.238	5.020.364.034
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.422.149.590	4.289.121.270
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống)		
Cộng	40.371.024.828	9.309.485.304

2. Các khoản đầu tư tài chính**2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn****Ngắn hạn**

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng, có giá gốc bằng giá trị ghi sổ.

	01/01/2020	31/12/2020
Tiền gửi ủy của các cá nhân theo sự ủy thác của công ty (i)	33.000.000.000	
Ông Nguyễn Việt Giáp - CD Công ty (ii)	19.000.000.000	3.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	-	34.500.000.000
Ông Nguyễn Quang Huy	14.000.000.000	
Bà Dương Thị Huyền		5.100.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Dung		17.600.000.000
Bà Phạm Thị Huế	-	11.250.000.000
Tiền gửi đứng tên Công ty	-	
Công ty CP Create Capital	-	2.300.000.000
Cộng	33.000.000.000	73.750.000.000

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2020	01/01/2020
	Giá gốc	Giá gốc
	Dự phòng	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	82.629.352.000	31.624.172.000
Công ty TNHH SX và XNK CRC Bình Phước	-	180.000.000
Công ty Cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc (ii)	31.444.172.000	31.444.172.000
Công ty cổ phần công nghệ CRC	51.185.180.000	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	18.000.000.000	59.500.000.000
Công ty Cổ phần Gốm sứ Haceco (iii)	-	41.500.000.000
Công ty TNHH Trường Sơn (vi)	18.000.000.000	18.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 4 năm 2020

<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>6.625.000.000</i>	<i>6.625.000.000</i>
Công ty TNHH Gốm Xây dựng Yên Thạch	6.625.000.000	6.625.000.000
<i>Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn</i>	<i>6.790.000.000</i>	<i>2.470.000.000</i>
Cộng	114.044.352.000	100.219.172.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
		-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	4.121.243.813	2.922.253.910
Công ty Cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	541.176.614	741.176.614
Công ty TNHH Việt Hương	3.063.967.444	-
Công ty TNHH Đầu Tư Năng Lượng King Group Đà Lạt	1.110.000.000	-
Công ty TNHH Đầu Tư Năng Lượng King Group Lâm Đồng	1.100.011.000	-
Công ty TNHH King Group Power Đà Lạt	1.243.000.000	-
Công ty TNHH Vision Energy Việt Nam	1.110.000.000	-
Công ty TNHH Thảo Nguyên Xanh Kontum	3.778.303.500	-
Công ty Cổ phần XNK Nam HN	9.275.238.834	48.706.831.890
Công ty Cổ phần CRC SOLAR CELL		2.090.000.000
Công ty Cổ phần Công Nghệ EMP	16.180.213.598	7.894.499.000
Công ty TNHH TM Cao Su An Bình		1.587.050.000
Các khách hàng khác	1.386.565.396	4.253.512.796
Cộng	42.909.720.199	68.195.324.210

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH BG Solar	6.120.000.000	-
Ông Phạm Văn Lộc		13.879.279.476
Ông Nguyễn Văn Đang		10.651.682.694
Công ty cổ phần chè Minh Thịnh	2.440.000.000	2.400.000.000
Công ty CP TM DV Nhật Minh Xanh		1.804.599.740
Công ty TNHH Giấy An Lộc (*)		4.997.599.784
Công ty cổ phần XNK NS GHT	36.886.206.200	-
HHC LOGISTICS		-
Công ty CP Kaxim		-
Canadian	283.006.907	-
Công ty TNHH Thiết Kế Xây Dựng Kiến Trúc Ý Tường	2.000.000.000	-
Công ty cổ phần CN và KDKT An Toàn KV1	96.250.000	-
Công ty cổ phần công nghệ EMP	14.121.901.318	-
Các khách hàng khác	510.970.760	5.084.114.896
Cộng	62.458.335.185	38.817.276.590

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 4 năm 2020

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác	1.391.915.918		43.915.276.964	
Công ty TNHH SX và TM Thành Nam BP	-		27.104.836.724	
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	-		16.212.680.000	
Phải thu lãi tiền gửi hợp đồng ủy thác và lãi trái phiếu	226.941.136		232.785.458	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.164.974.782		364.974.782	
	496.866.200		6.953.807.200	
Tạm ứng				
Ông Lê Quang Thạch - Tạm ứng đầu tư dự án nhà máy gạch	-		6.168.547.000	
Các đối tượng khác	496.866.200		785.260.200	
Cộng	1.888.782.118		50.869.084.164	

Phải thu dài hạn khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan				
Công ty TNHH Kỹ thuật CK Năng Lượng môi trường Đại Phát	300.000.000		400.000.000	

6. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	26.174.606.413		36.885.737.329	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	56.379.696.915		8.073.748.565	
Thành phẩm	10.736.773.850		12.288.277.658	
Hàng hóa	98.689.350.251		37.120.027.596	
Cộng	191.980.427.429		94.367.791.148	

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Công cụ dụng cụ	16.586.364	28.196.273
Phí và bảo hiểm		
Cộng	16.586.364	28.196.273

8. Tài sản cố định hữu hình

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 4 năm 2020

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	293.636.364	1.305.207.273	1.598.843.637
Mua trong kỳ		420.439.455	420.439.455
Số cuối kỳ	293.636.364	1.725.646.728	2.019.283.092
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Chờ thanh lý			
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	70.251.719	567.359.560	637.611.279
Khấu hao trong năm	29.363.640	249.632.613	278.996.253
Số cuối kỳ	99.615.359	816.992.173	916.607.532
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	223.384.645	737.847.713	961.232.358
Số cuối kỳ	194.021.005	908.654.555	1.102.675.560

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Công Nghệ Thiết Bị Điện GBN	2.223.171.940	-
Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại XNK Huy Anh	2.951.408.368	945.000.000
Công ty TNHH SX TM Thành Nam BP		28.399.207.976
Công ty TNHH Vật Liệu Làm Nhà PLD	14.261.706.459	-
Công ty TNHH Thiết Bị Nội Thất Takasy	2.832.380.240	-
JA Solar	117.954.222.798	-
Jinko Solar	40.926.744.402	-
Ginlong	12.538.251.900	-
GCL	10.712.458.416	-
ZNSHINE	45.916.855.737	-
Công ty TNHH Trường Sơn		4.580.184.113
Công ty CP CRC SOLAL CELL		1.980.000.000
Công ty TNHH SXTM và XD Sky Solar	400.000.000	-
Công ty TNHH Starconcord(Việt Nam)	2.050.298.716	-
Công ty CP XNK Simex VN		7.737.364.775
Các nhà cung cấp khác	2.193.506.008	3.759.794.565
Cộng	254.961.004.984	47.401.551.429

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Thiết bị CNN MICO	-	172.000.000
Công ty Cổ phần Thoát nước và xử lý nước thải Bắc Ninh		1.862.000.000
Công ty TNHH BG Solar	1.147.627.120	-
Công ty TNHH MTV Đông An Gia Lai	7.850.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 4 năm 2020

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH MTV Hà My	8.250.000.000	-
Công ty CP HL Power Việt Nam	2.885.195.762	-
Công ty TNHH XNK TMDV Bắc Nam	11.267.070.255	-
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP		-
Công ty TNHH Đầu Tư và TMDV Hoàng Minh BG	1.200.000.000	-
Công ty TNHH Vạn Lợi		1.435.000.000
Công ty TNHH Nguyên Thái Kontum	1.552.939.047	-
Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Thương Mại SHP	31.779.010.800	-
Công ty TNHH MTV Phan Linh YB	6.630.000.000	-
Công ty TNHH MTV Hồng Khanh	1.502.526.969	-
Các đối tượng khác	685.119.559	-
Cộng	74.749.489.512	3.469.000.000

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020		Số phát sinh trong kỳ		31/12/2020	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			31.473.272.727	31.473.272.727	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	366.185.052		1.829.892.418	936.881.016	1.259.196.454	
Thuế thu nhập cá nhân			175.010.000	175.010.000	-	
Các loại thuế khác			3.000.000	3.000.000	-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác						
Cộng	366.185.052		8.579.882.094	8.620.279.120	1.259.196.454	

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí dịch vụ nhập khẩu	19.500.000	
Chi phí gia công mù cao su	3.221.688.561	3.120.168.600
Chi phí lãi vay		113.176.182

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 4 năm 2020

	31/12/2020	01/01/2020
Cộng	3.241.188.561	3.233.344.782
13. Phải trả ngắn hạn khác		
	31/12/2020	01/01/2020
Công ty Cổ phần sản xuất và cung ứng Vật liệu	-	459.460.397
Xây dựng Kontum	-	9.325.760.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	341.439.800
Phải trả khác	378.956.757	33.000.000
Công ty TNHH XNK ITALIA Lưu Kim	33.000.000	33.000.000
Cộng	411.956.757	10.159.660.197

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn*Vay ngắn hạn*

	31/12/2020	01/01/2020
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>		
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà	8.083.863.360	50.051.085.515
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-Chi nhánh Thanh Xuân	502.847.309	28.385.815.884
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	293.333.332	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình ⁽ⁱⁱ⁾	15.786.709.975	79.497.984.315
Cộng	24.666.753.976	157.934.885.714

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

15. Vốn chủ sở hữu**15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	150.000.000.000	10.645.604.925	8.119.827.732	168.765.432.657
Lợi nhuận trong năm trước			6.114.897.161	6.114.897.161
Số cuối kỳ trước	150.000.000.000	10.645.604.925	14.234.724.893	174.880.329.818
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	10.645.604.925	14.234.724.893	174.880.329.818
Lợi nhuận trong năm nay			8.927.855.903	8.927.855.903
Trích lập các quỹ				
Chia cổ tức				
Số cuối kỳ này	150.000.000.000	10.645.604.925	23.162.580.796	183.808.185.721

15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 4 năm 2020

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ông Mai Anh Tám	15.000.000.000	15.000.000.000
Các cổ đông khác	135.000.000.000	135.000.000.000
Cộng	150.000.000.000	150.000.000.000

15c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	15.000.000	15.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**II. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	493.092.966.070	310.293.918.881
Doanh thu bán thành phẩm	4.853.917.102	88.102.493.283
Doanh thu hợp đồng xây dựng, lắp đặt, dịch vụ	86.659.867.559	2.343.636.360
Doanh thu khác		
Cộng	584.606.750.731	400.740.048.524

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	484.334.838.340	308.461.036.207
Giá vốn thành phẩm đã bán	4.752.645.231	81.963.903.924
Giá vốn xây dựng, lắp đặt, dịch vụ	76.763.622.517	2.804.545.460
Giá vốn dịch vụ khác		
Cộng	565.851.106.088	392.229.485.591

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	465.671.578	1.164.464.180
Lãi tiền cho vay	97.500.000	55.232.877
Lãi thanh lý khoản đầu tư		2.518.470.759
Cổ tức được chia		3.948.227.487
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	155.987.090	233.375.644
Doanh thu tài chính khác	238.895.459	
Cộng	958.054.127	7.919.770.947

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 4 năm 2020

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	3.341.757.143	365.576.029
Chi phí lãi vay (Lãi vay, chênh lệch tỷ giá)	2.558.055.480	5.848.099.909
Cộng	5.899.812.623	6.213.675.938

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên		-
Chi phí vật liệu bán hàng	2.291.200.671	
Chi phí khác	301.000.000	1.500.178.600
Cộng	2.592.200.671	1.500.178.600

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	633.653.916	583.412.819
Chi phí vật liệu quản lý		
Chi phí công cụ quản lý	64.782.636	22.981.766
Khấu hao Tài sản cố định	249.632.613	286.532.102
Thuế, phí lệ phí	3.020.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.538.826.109	994.446.428
Chi phí bằng tiền khác		26.770.453
Cộng	2.489.915.274	1.917.143.568

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư		
Thuế bị phạt, bị truy thu	167.069.532	291.986.689
Lãi chậm nộp bảo hiểm	651.679	
Phạt vi phạm hợp đồng		55.152.546
Chi phí khác	4.645.340	26.916.670
Cộng	171.714.872	374.055.905

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Các khoản khác	254.921.905	201.854.162
Thu nhập từ thanh lý nhượng bán TSCĐ		326.653.723
Cộng	254.921.905	528.507.885

9. Lãi trên cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 4 năm 2020

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Cam kết bảo lãnh

Ông Mai Anh Tám dùng quyền sử dụng đất và nhà thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.17).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty con
Công ty cổ phần Công Nghệ CRC	Công ty con
Công ty CP Canadian Solar Việt Nam	Công ty con
Công ty CP CRC Power	Công ty con
Công ty CP Nhật Nguyên Xanh Solar	Công ty con
Công ty CP CRC Invest	Công ty con
Công ty Cổ phần Phụ gia Bê tông Phả Lại	Có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty CP CRC Solar Cell	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Gốm Xây Dựng Yên Thạch	Công ty và các cổ đông công ty có ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bán hàng hóa
- Lĩnh vực bán thành phẩm (cao su)
- Lĩnh vực xây lắp

2b. *Thông tin về khu vực địa lý*

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong lãnh thổ nội địa và quốc tế

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 4 năm 2020

	Năm nay	Năm trước
Khu vực nội địa	522.418.937.717	208.259.732.661
Khu vực nước ngoài	62.187.813.014	192.480.315.863
Cộng	584.606.750.731	400.740.048.524

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán .

Lập, ngày 21 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thúy Nga

Phụ trách kế toán



Nguyễn Quang Huy

Chủ tịch HĐQT



Mai Anh Tám